Những đặc điểm và con đường TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

GS.TS TRẦN NGỌC HIÊN

Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường vào những năm 80 cuối thế kỷ XX. Vì vậy, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam mang những đặc điểm quan trọng ảnh hưởng lâu dài tới công cuộc đổi mới. Những đặc điểm ấy là: *Thứ nhất:* sự phát triển kinh tế ở một đất nước vừa trải qua sự tàn phá nặng nề của cuộc chiến tranh dài 30 năm. *Thứ hai:* sau chiến tranh, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại thực hiện thể chế kinh tế tập trung Nhà nước nhiều năm trước khi đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường. *Thứ ba*: Việt Nam chuyển sang phát triển kinh tế thị trường, tiến hành CNH, HĐH trong giai đoạn kinh tế thế giới đang chuyển từ mô hình kinh tế công nghiệp lên mô hình kinh tế tri thức, đang phát triển toàn cầu hoá và cạnh tranh mạnh mẽ.

Ba đặc điểm nói trên cho thấy những khó khăn và thách thức to lớn trong thực hiện "Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững" ở Việt Nam. Nó đòi hỏi có tầm nhìn và phương pháp phù hợp để sáng tạo trong phát triển, không thể chỉ dựa vào mong muốn chủ quan duy ý chí tập thể hoặc bắt chước làm theo kinh nghiệm của bên ngoài một cách máy móc.

Sáng tạo trong phát triển thể hiện rõ nhất ở xây dựng thể chế kinh tế - chính trị mới, có ý nghĩa quyết định đến tăng trưởng kinh tế theo hướng phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay. Trên thế giới, cuộc khủng hoảng mang tính hệ thống cũng đang đặt ra thay đổi thể chế kinh tế chính trị một cách cấp bách. Không phải ngẫu nhiên, công trình nghiên cứu "Vì sao các quốc gia thất bại" của Daron Acemoglu, Jemes

Robinson đã đưa ra câu trả lời "do thể chế kinh tế chính trị" được các nhà khoa học hàng đầu, trong đó có 5 người đã đạt giải Nobel kinh tế hoan nghênh.

Tầm nhìn và phương pháp sáng tạo thể chế kinh tế chính trị mới phải được bắt đầu từ nhận thức đúng bối cảnh khách quan về xu hướng phát triển của kinh tế thế giới và điều kiện chủ quan trong nước. Từ đó rút ra những điều kiện cần và đủ để xây dựng thể chế mới.

I. Thể chế kinh tế chính trị Việt Nam phải phù hợp với xu hướng phát triển mới của kinh tế thị trường đầu thế kỷ XXI

Như lịch sử cho thấy, trong suốt thời gian dài khoảng 3 thế kỷ, tăng trưởng kinh tế của mô hình công nghiệp chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lao động xã hội, nên đã để lại những hậu quả nặng nề cho cuộc sống hiện nay. Ngoài hậu quả về an sinh xã hội do phân phối của cải không công bằng và lối sống tiêu thụ thì hậu quả về tàn phá môi trường ngày càng tăng.

Ngay từ năm 1970, Câu lạc bộ Rome đã phải nghiên cứu "Các giới hạn tăng trưởng". Tiếp đó các nhà nghiên cứu ở các nước đã cảnh báo: về nhu cầu khai thác tài nguyên đã tăng gấp đôi kể từ năm 1966; loài người đã tiêu thụ tài nguyên nhiều hơn số lượng mà tự nhiên có thể phục hồi. Nếu tất cả mọi người tiêu thụ bằng lượng trung bình của một người phương Tây thì chúng ta cần phải có 3 đến 4 hành tinh; Cảnh báo mới đây là công trình "Sự sụp đổ các nền kinh tế trong tương lai" vào năm 2007 của Stephen và Glen Strathy cho thấy: Sự sụp đổ kinh tế sẽ kéo theo sự kết thúc nền văn minh công nghiệp.

Những hậu quả về an sinh xã hội và tàn phá môi trường cho thấy kiểu tăng trưởng kinh tế dựa vào mô hình công nghiệp đã tới giới hạn cuối cùng, đòi hỏi phải thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế.

Đúng như quy luật vận động của lịch sử: khi cuộc sống đặt ra vấn đề thay đổi mô hình tăng trưởng thì khả năng giải quyết vấn đề ấy cũng xuất hiện. Đó là sự ra đời và lớn mạnh của kinh tế tri thức từ cuối thế kỷ XX đến nay, đem lại khả năng phát riển đồng thuận giữa tăng trưởng kinh tế với an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, được gọi là phát triển bền vững.

Vào giữa thập kỷ 80 thế kỷ trước, Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường bước vào giai

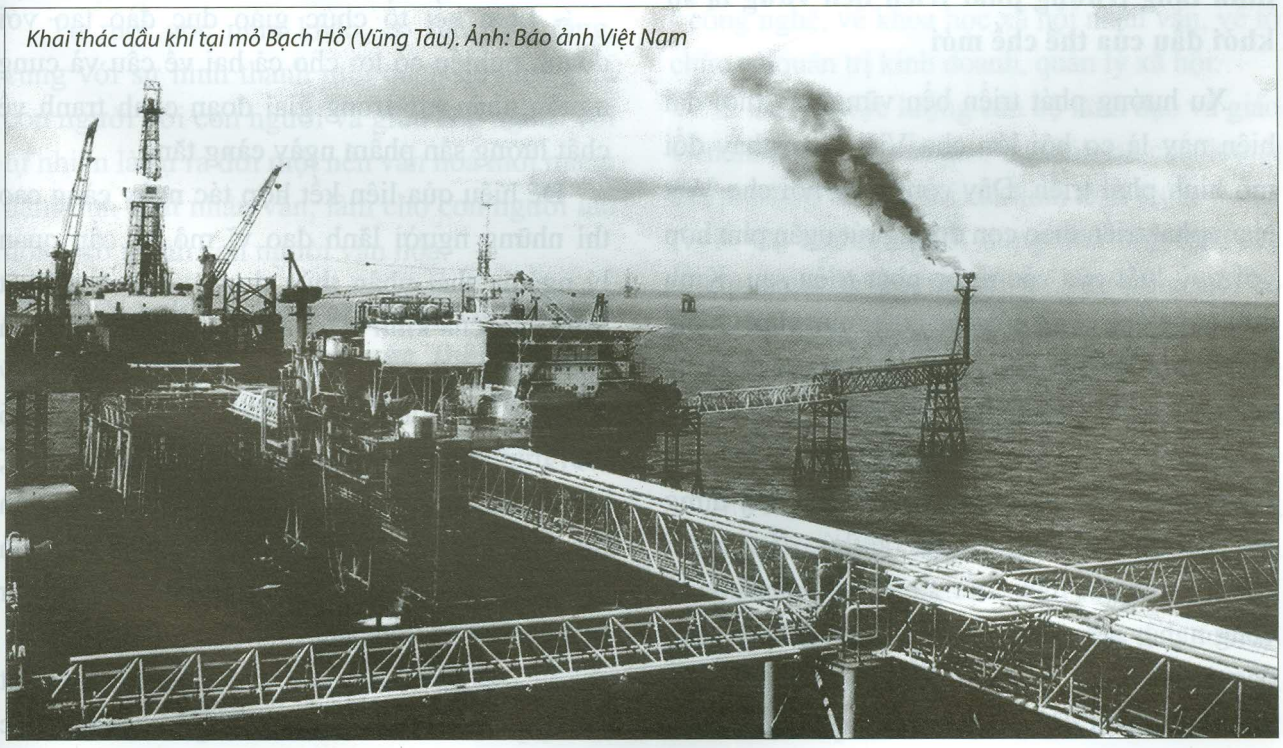

Khai thác dầu khí tại mỏ Bạch Hổ (Vũng Tàu). Ảnh: Báo ảnh Việt Nam

đoạn phát triển mới, từ điểm xuất phát rất thấp (mức thu nhập khoảng 50 USD/người). Trải qua chặng đường 25 năm đạt đến mức thu nhập trung bình (hơn 1.000 USD/người). Mức trăng trưởng ấy là kết quả của mô hình khai thác tài nguyên và lao động rẻ để xuất khẩu. Vì vậy thành công về kinh tế cũng để lại những hậu quả ngày càng tăng về môi trường và an sinh xã hội.

Do vị trí địa lý, nên Việt Nam là một trong mười nước chịu thiên tai cao nhất thế giới (nghiên cứu của Công ty tư vấn Maplecroft – Anh). Theo các chuyên gia, đây là những nước có cơ sở hạ tầng và quản trị quốc gia yếu kém nhất.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu cấp bách là phải sớm chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Định hướng này chỉ thực hiện được với hai điều kiện:

- Xây dựng thể chế kinh tế chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

- Sớm hình thành kinh tế tri thức, dựa trên trình độ phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo nhân lực, trình độ tổ chức và quản lý phù hợp.

II. Tạo lập những điều kiện xây dựng mô hình tăng trưởng phát triển bền vững là sự khởi đầu của thể chế mới

Xu hướng phát triển bền vững của thời đại hiện nay là cơ hội lớn cho Việt Nam thay đổi mô hình phát triển. Đây còn là cơ hội cho Việt Nam phát triển theo con đường rút ngắn phù hợp với quy luật của các nước phát triển sau. Kinh nghiệm thành công của các nước như Hàn Quốc, Singapore và thất bại của một số nước châu Á, châu Phi đã khẳng định quy luật ấy.

Nhưng cơ hội ấy có nắm bắt được hay không là tuỳ thuộc vào quyết tâm và năng lực xây dựng thể chế kinh tế chính trị mới để thúc đẩy sự đổi mới ở 3 lĩnh vực then chốt: Phát triển khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; tổ chức và lãnh đạo, quản lý các cấp, bắt đầu từ cấp vĩ mô, bảo đảm thực hiện đòi hỏi phát triển rút ngắn, chất lượng cao về kinh tế và xã hội.

Muốn vậy, phải xoá bỏ "cơ chế tập trung quan liêu duy ý chí tập thể". Khuyến khích tính chủ động, sáng tạo có căn cứ khoa học - thực tiễn của người đứng đầu, đi đôi với cơ chế kiểm kê, kiểm soát một cách độc lập.

Tầm nhìn và quyết tâm của cấp vĩ mô phải được thể hiện ở:

1/ Nhận rõ xu hướng phát triển mới của ba lĩnh vực quan trọng nói trên, bắt đầu từ lĩnh vực tổ chức, quản lý theo phương thức, phương pháp mới để xác định rõ mục tiêu của khoa học và công nghệ, của giáo dục và đào tạo là hướng tới phát triển bền vững dựa trên kinh tế tri thức.

Muốn vậy, phương thức tổ chức và phương pháp hệ thống được vận dụng phổ biến để tạo ra sức mạnh tổng hợp như thể hiện ở:

- Liên kết các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp, làm cho cầu và cung về công nghệ mới, luôn được gắn bó với nhau trong nghiên cứu và ứng dụng, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh.

- Liên kết giữa tổ chức giáo dục và đào tạo với các tổ chức khoa học, để nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với thực tiễn.

- Liên kết tổ chức giáo dục đào tạo với doanh nghiệp có lợi cho cả hai về cầu và cung nguồn nhân lực trong giai đoạn cạnh tranh về chất lượng sản phẩm ngày càng tăng.

Để hiệu qủa liên kết hợp tác ngày càng cao thì những người lãnh đạo vĩ mô và cấp quản lý ngành phải nhận thức được xu hướng phát triển mới của kinh tế, của bản thân khoa học và công nghệ, của giáo dục và đào tạo từ đầu thế kỷ XXI, để vận dụng vào chỉ đạo, quản lý. Nhờ đó mới tránh được nguy cơ tụt hậu mà không biết, mới tránh được bệnh thoả mãn nửa vời hay bệnh thành tích, mới thấy yêu cầu công khai, minh bạch trong quản lý, lãnh đạo là cần thiết cho sự tiến bộ của hệ thống.

2/ Xác định mục tiêu trong từng bước phát triển ở cả 3 lĩnh vực quyết định ấy sao cho các

mục tiêu ấy hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau tạo ra sức mạnh tổng hợp của hệ thống. Các mục tiêu từng bước phát triển phải hướng thẳng tới bảo đảm an sinh, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường từ trong tăng trưởng kinh tế. Sự phát triển như thế đến một mức nào đó thì tiến bộ xã hội và an toàn môi trường sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả về quy mô và chất lượng, hoàn toàn khác với cách tăng trưởng hiện nay.

3/ Khâu trung tâm của sự phát triển bền vững 3 lĩnh vực nói trên gắn bó với nhau là sự phát triển con người, được coi là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển bền vững. Quan niệm mới về "Sự phát triển con người", trong mô hình phát triển bền vững khác với quan niệm "phát triển con người" trong thời kỳ trước đó. Trong không gian phát triển bền vững, sự phát triển con người có ý nghĩa là sự phát triển mối quan hệ hài hoà giữa con người với con người và giữa con người với tự nhiên, hoàn toàn khác với con người và xã hội trong mô hình công nghiệp lấy tăng trưởng kinh tế làm mục tiêu cao nhất, đẩy con người chạy theo của cải vật chất và lối sống tiêu thụ. Mặt khác đẩy số đông người phải vật lộn tìm kế mưu sinh.

Từ một góc nhìn khác, có thể thấy rằng, cùng với sự hình thành mối quan hệ mới giữa con người với con người và giữa con người với tự nhiên là sự ra đời một nền văn hoá mới mang đậm tính chất nhân văn, làm cho con người lao động trở thành con người văn hóa.

III. Ý nghĩa quan trọng của yếu tố THỜI GIAN đối với hiệu quả của thể chế tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững

Những ai quan tâm đến sự vận động của thực tiễn chắc sẽ thấy sự biến đổi nhanh đầu thế kỷ XXI khác nhiều với những biến đổi trong thế kỷ XX. Sức cạnh tranh của một Doanh nghiệp, sự phát triển của một quốc gia có sự tác động ngày càng tăng của yếu tố THỜI GIAN. Vì vậy tiết kiệm thời gian được coi như một quy luật của sự phát triển đối với một quốc gia, một tổ chức, thậm chí đối với mỗi người.

Nguồn gốc phát sinh Quy luật tiết kiệm thời gian là những tiến bộ ngày càng nhanh về khoa học và công nghệ, cách mạng khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế thị trường, được thúc đẩy bởi sức cạnh tranh giành hiệu quả cao trên thị trường của các doanh nghiệp, tập đoàn và quốc gia.

Tiết kiệm thời gian là một lợi thế của những đất nước phát triển theo con đường rút ngắn như Việt Nam. Không khai thác được lợi thế này thì rơi vào tình trạng tụt hậu ngày càng xa so với thế giới và những mục tiêu tốt đẹp chỉ là không tưởng.

Vì vậy, lợi thế tiết kiệm thời gian vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với hiệu quả công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý vận hành thể chế kinh tế chính trị. Chỉ có hiệu quả thực tiễn đối với quốc gia mới chứng minh được tính ưu việt của thể chế, chứ không phải ở tên gọi.

Để có thể chế có hiệu quả cao, cần phải coi trọng những khâu then chốt:

1. Có lực lượng trí thức đủ sức nắm bắt và vận dụng những thành tựu tiên tiến về khoa học - công nghệ, về khoa học xã hội nhân văn, về tổ chức và quản trị kinh doanh, quản lý xã hội.

2. Có một lực lượng cán bộ lãnh đạo và giáo viên đủ sức phát triển giáo dục đào tạo chất lượng cao phù hợp với đòi hỏi của kinh tế tri thức.

3. Có những người đứng đầu các cấp, các tổ chức, các doanh nghiệp có sức sáng tạo, có tính chủ động trước thực tiễn biến đổi nhanh, không câu nệ, dựa dẫm những cái đã có, biết lắng nghe và thu hút người tài giỏi vì tương lai của đất nước.

4. Phát triển bền vững cần có một môi trường văn hoá, thể hiện ở quan niệm hài hoà giữa con người với cộng đồng và với tự nhiên. Một môi trường văn hoá như vậy được bắt đầu từ vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế chính trị mới, bắt đầu từ cấp vĩ mô.❖